

QUY ĐỊNH

**chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy,
mối quan hệ công tác của Ban Dân vận Tỉnh ủy**

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Căn cứ Quy định số 137-QĐ/TW ngày 01/12/2023 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Tỉnh ủy khóa XX nhiệm kỳ 2020 - 2025;

- Xét đề nghị của Ban Dân vận Tỉnh ủy và Ban Tổ chức Tỉnh ủy,

Ban Thường vụ Tỉnh ủy quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, mối quan hệ công tác của Ban Dân vận Tỉnh ủy như sau:

Điều 1. Chức năng

1. Là cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy mà trực tiếp, thường xuyên là Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Tỉnh ủy về công tác dân vận.

2. Là cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ về công tác dân vận của Tỉnh ủy (bao gồm cả công tác dân tộc, tôn giáo).

3. Là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo tỉnh về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở và Ban Chỉ đạo công tác tôn giáo tỉnh.

Điều 2. Nhiệm vụ

1. Nghiên cứu, đề xuất và thực hiện

1.1. Chủ trì, phối hợp tham mưu, đề xuất xây dựng các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy định, quy chế, chương trình công tác dân vận và chủ trương, giải pháp về công tác dân vận của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

1.2. Chủ trì, phối hợp nghiên cứu, đề xuất Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy cụ thể hóa và triển khai tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận, quy chế, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác dân vận, dân tộc, tôn giáo; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân.

1.3. Tham mưu giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy nắm tình hình và chỉ đạo hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng ở địa phương; theo dõi và tổng hợp tham mưu chỉ đạo công tác dân vận của các cơ quan nhà nước ở địa phương.

1.4. Phối hợp với các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể theo dõi, tổng hợp tình hình Nhân dân (kể cả tình hình dân tộc, tôn giáo, các giai tầng xã hội, các vấn đề

bức xúc trong Nhân dân); báo cáo và tham mưu kịp thời với Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy để lãnh đạo, chỉ đạo công tác dân vận và xử lý những vấn đề phát sinh.

1.5. Tham gia ý kiến với các cơ quan chính quyền trong việc thể chế hóa các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận, quy chế, quy định của Đảng về công tác dân vận, công tác dân tộc, tôn giáo và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân.

1.6. Thực hiện việc báo cáo định kỳ và đột xuất với Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Dân vận Trung ương theo quy chế.

1.7. Sơ kết, tổng kết về công tác dân vận.

2. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát

2.1. Việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận, quy chế, quy định của Đảng về công tác dân vận.

2.2. Hướng dẫn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về công tác dân vận cho cấp ủy và đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác dân vận của Đảng trong Đảng bộ tỉnh.

3. Thẩm định, thẩm tra và tham gia ý kiến

3.1. Thẩm định, thẩm tra các đề án, các văn bản về công tác dân vận trước khi trình Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy.

3.2. Tham gia ý kiến đối với các đề án, dự án thuộc lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, quốc phòng, an ninh... có liên quan đến công tác dân vận, dân tộc, tôn giáo; các đề án, dự án có liên quan đến quyền làm chủ của Nhân dân và công tác dân vận của các cơ quan nhà nước.

4. Phối hợp

4.1. Với Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy tham mưu, giúp Tỉnh ủy xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm về công tác dân vận.

4.2. Với các ban, ngành liên quan trong các hoạt động chung về công tác dân vận, dân tộc, tôn giáo; công tác nghiên cứu, kiểm tra, đào tạo, bồi dưỡng, thông tin... về công tác dân vận trên địa bàn tỉnh.

4.3. Với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan liên quan, các hội quần chúng do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ trong công tác vận động nhân sỹ, trí thức, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số và chức sắc trong tôn giáo; trong việc tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

4.4. Với Ban Tổ chức Tỉnh ủy trong công tác cán bộ theo quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phân cấp quản lý cán bộ và giới thiệu cán bộ ứng cử; trong việc quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, người lao động của Ban Dân vận Tỉnh ủy.

4.5. Với Văn phòng Tỉnh ủy giúp Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế làm việc của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

4.6. Với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh trong thực hiện công tác dân vận chính quyền.

4.7. Với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh, Cảnh sát biển và Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh trong thực hiện công tác dân vận của lực lượng vũ trang và cơ quan tư pháp.

5. Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy giao.

Điều 3. Trách nhiệm, quyền hạn

1. Chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy trong tham mưu, đề xuất cho Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy và thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban Dân vận Tỉnh ủy.

2. Được yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Tỉnh ủy, các địa phương, cơ quan, đơn vị báo cáo, cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban Dân vận Tỉnh ủy.

3. Được cử cán bộ dự các cuộc họp, hội nghị của cấp ủy trực thuộc, các sở, ban, ngành, đảng đoàn, ban cán sự đảng, các cơ quan liên quan bàn về nội dung thuộc lĩnh vực chuyên môn do cơ quan Ban Dân vận Tỉnh ủy phụ trách.

4. Thực hiện nhiệm vụ, trách nhiệm, thẩm quyền của chủ thể kiểm tra, giám sát theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng.

5. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất với Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ban Dân vận Trung ương.

Điều 4. Về tiêu chuẩn chức danh và cơ cấu cán bộ, công chức, người lao động theo hợp đồng

1. Về tiêu chuẩn chức danh

Việc xác định tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm của cán bộ, công chức, người lao động theo hợp đồng do Ban Dân vận Tỉnh ủy xây dựng và trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định.

2. Về cơ cấu cán bộ, công chức và người lao động theo hợp đồng

Bảo đảm cơ cấu cán bộ, công chức, người lao động theo hợp đồng hợp lý để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của Ban Dân vận Tỉnh ủy trên cơ sở vị trí việc làm của Ban được Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt. Số lượng người lao động theo hợp đồng do lãnh đạo Ban Dân vận Tỉnh ủy quyết định nhưng không quá 02 người.

Điều 5. Tổ chức bộ máy và biên chế

1. Tổ chức bộ máy

1.1. Lãnh đạo Ban

Gồm trưởng ban và các phó trưởng ban. Số lượng phó trưởng ban do Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định.

1.2. Các đơn vị trực thuộc

- Phòng Tổng hợp, Dân tộc và Tôn giáo.
- Phòng Dân vận các cơ quan nhà nước và Đoàn thể.

2. ***Biên chế***

Do Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định trên cơ sở yêu cầu, nhiệm vụ, cơ cấu cán bộ, công chức phù hợp với tiêu chuẩn chức danh và vị trí việc làm đã được phê duyệt; bảo đảm tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động theo nghị quyết, quy định, kết luận của Trung ương và của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Điều 6. Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc

Trên cơ sở Quy định này, Ban Dân vận Tỉnh ủy ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, mối quan hệ công tác của các phòng thuộc Ban; bảo đảm nguyên tắc không chồng chéo, trùng lặp chức năng, nhiệm vụ giữa các phòng thuộc Ban; một phòng thực hiện nhiều việc và một việc chỉ giao cho một phòng chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính.

Điều 7. Mối quan hệ công tác

1. *Đối với Ban Dân vận Trung ương*

Ban Dân vận Tỉnh ủy chịu sự hướng dẫn, kiểm tra, giám sát về chuyên môn, nghiệp vụ và thực hiện chế độ thống kê, thông tin, báo cáo đối với Ban Dân vận Trung ương theo quy định.

2. *Đối với Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Tỉnh ủy*

Ban Dân vận Tỉnh ủy chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, trực tiếp và thường xuyên là Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Tỉnh ủy; thực hiện chế độ báo cáo, xin ý kiến, tham mưu, đề xuất với Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy các vấn đề thuộc trách nhiệm, lĩnh vực công tác dân vận; về chương trình công tác của Ban Dân vận Tỉnh ủy.

3. *Đối với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh và các hội quần chúng cấp tỉnh được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ (Hội Chữ thập đỏ, Hội Từ yêu nước, Hội Người cao tuổi, Hội Cựu thanh niên xung phong, Hội Người mù, Hội Nạn nhân Chất độc da cam/dioxin...)*

Quan hệ giữa Ban Dân vận Tỉnh ủy với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh và các hội quần chúng cấp tỉnh được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ là quan hệ phối hợp.

Ban Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh và các hội quần chúng cấp tỉnh được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ nghiên cứu, triển khai tổ chức thực hiện, sơ kết, tổng kết các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận, quy chế, quy định của Trung ương, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác dân vận.

Phối hợp hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận, quy chế, quy định của Trung ương, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ được Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao.

4. Đối với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh

Quan hệ giữa Ban Dân vận Tỉnh ủy với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh là quan hệ phối hợp.

Ban Dân vận Tỉnh ủy phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh để triển khai thực hiện nhiệm vụ tham mưu về công tác dân vận, dân tộc, tôn giáo có liên quan đến công tác quản lý nhà nước. Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh tạo điều kiện, hỗ trợ để cùng hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Tại các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh bàn về các vấn đề có liên quan đến công tác dân vận, dân tộc, tôn giáo, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, thì đại diện lãnh đạo Ban Dân vận Tỉnh ủy được mời dự, tham gia ý kiến. Những nội dung cần thiết, lãnh đạo Ban Dân vận Tỉnh ủy làm việc trực tiếp với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh để phối hợp thực hiện nhiệm vụ của mỗi bên.

Phối hợp trong công tác triển khai, tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nghị quyết, chương trình, kế hoạch của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác dân vận.

5. Đối với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy

Quan hệ giữa Ban Dân vận Tỉnh ủy với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy là quan hệ phối hợp.

Ban Dân vận Tỉnh ủy có trách nhiệm chủ động phối hợp các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc chức năng, nhiệm vụ của Ban Dân vận Tỉnh ủy có liên quan đến các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; trường hợp có ý kiến khác nhau thì xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy hoặc Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

6. Đối với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 2 và Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh

Quan hệ giữa Ban Dân vận Tỉnh ủy với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 2 và Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh là quan hệ phối hợp.

Ban Dân vận Tỉnh ủy có trách nhiệm chủ động phối hợp về công tác dân vận trong thực hiện các nhiệm vụ về quân sự, quốc phòng; công tác bảo vệ vững chắc chủ quyền, quyền chủ quyền, an ninh, trật tự, an toàn trên các vùng biển, đảo của Tổ quốc; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; công tác dân vận của cơ quan tư pháp. Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị, lực lượng vũ trang, doanh nghiệp, Nhân dân trên địa bàn tỉnh.

7. Đối với các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy và tổ chức đảng trực thuộc Tỉnh ủy

Quan hệ giữa Ban Dân vận Tỉnh ủy với cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Tỉnh ủy là quan hệ phối hợp, trao đổi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát trong việc thực hiện công tác dân vận và công tác tổ chức, cán bộ theo phân cấp.

8. Đối với ban dân vận các huyện ủy, thị ủy, thành ủy

Quan hệ giữa Ban Dân vận Tỉnh ủy với ban dân vận các huyện, thành ủy là quan hệ hướng dẫn, kiểm tra về công tác dân vận; bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quy định số 09-QĐi/TU ngày 28/12/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và mối quan hệ công tác của Ban Dân vận Tỉnh ủy.

2. Căn cứ Quy định này và các quy định có liên quan, Ban Dân vận Tỉnh ủy tiến hành rà soát, điều chỉnh Đề án thực hiện thí điểm bố trí, sử dụng, tuyển dụng và quản lý công chức theo vị trí việc làm của cơ quan cho phù hợp; ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và mối quan hệ công tác của các phòng thuộc Ban.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, chưa phù hợp thì kịp thời báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư (b/c),
- Ban Dân vận Trung ương (Hà Nội + T26) (b/c),
- Các cơ quan chuyên trách TM, GV Tỉnh ủy,
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn trực thuộc,
- Các sở, ban, ngành tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Ban Thường vụ Tỉnh đoàn,
- Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh,
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- VPTU: CVP, PCVP, Phòng Tổng hợp,
- Phòng Tổng hợp, dân tộc và Tôn giáo, BDVTU,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**

Đặng Ngọc Huy